

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HC-PT

Ngày: 30/01/2024

“V/v: Yêu cầu tuyên bố hành vi
hành chính trái pháp luật và bồi
thường thiệt hại về tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

Các thẩm phán:

1. Ông Đào Hồng Cảnh.

2. Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Bùi Thái Ngọc Huyền - Thư
ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thom - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/01/2024 và 30/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
18/TLPT - HC ngày 05/12/2023 về việc: “Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính
trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”, do Bản án hành chính sơ thẩm
số 01/2023/HC - ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.
Vụ án được đưa ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
6134/2023/QĐXXPT- HC ngày 27/12/2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất A.

Địa chỉ trụ sở: đường Đoàn Văn Bơ, Phường M, Quận B, thành phố Hồ
Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh S, chức vụ Giám đốc.

- **Người bị kiện:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, chức vụ Phó Chủ
tịch Ủy ban nhân dân xã P.

Địa chỉ trụ sở làm việc: đường Lê Văn Lương, xã P, huyện N, Thành phố
Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ G.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Nhật L, chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: đường Tân Mỹ, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Vũ Huy Tấn, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1954

Cư trú: Ấp Long Bình, Phường T, thành phố R, tỉnh A.

3/ Bà Trần Thị Tỷ P, sinh 1959

Trú tại: đường Hùng Vương, Khóm M, Phường P, thành phố T, tỉnh A.

Ông Phạm Anh S, ông Nguyễn Thanh P, ông Lê Quang H có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị Tỷ P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất A trình bày:

Ngày 01/7/2019, Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất A (gọi tắt Công ty A) ký hợp đồng thuê 2.000m² đất thuộc một phần diện tích của các thửa đất 30, 526 tờ bản đồ số 27 xã P với Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ G (gọi tắt Công ty G), thời hạn thuê 3 năm, mục đích thuê để kinh doanh văn phòng, kho bãi. Sau khi ký hợp đồng, Công ty A tiến hành san lấp mặt bằng và xây dựng 6 công trình để kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê nhà xưởng.

Ngày 09/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã P, huyện N điều động máy ủi và nhân công đến tháo dỡ toàn bộ 5 công trình của Công ty A mà không lập bất kỳ biên bản vi phạm, hay thủ tục xử lý hành chính nào, khi bắt đầu tháo dỡ công trình thứ 6 thì ông Phạm Anh S chạy đến yêu cầu dừng để xử lý, thì tổ cưỡng chế dừng nhưng không mời ông để lập biên bản làm việc. Việc Chủ tịch UBND xã P tự ý tháo dỡ 5 hạng mục công trình của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty gồm các khoản: Tiền xây dựng 875.000.000 đồng; chi phí làm hàng rào để bảo quản tài sản hiện trường tháo dỡ là 25.000.000 đồng; chi phí bồi thường hợp đồng thuê kho bãi cho các đối tác thuê là 116.000.000 đồng; tiền thuê bảo vệ trông coi tài sản sau khi bị tháo dỡ là 162.000.000 đồng; tiền lãi vay nóng 270.000.000 đồng (500.000.000 đồng x 18 tháng x 3%/tháng); lợi nhuận bị mất không kinh doanh được là 551.000.000 đồng (29.000.000đ/tháng x 19 tháng)

Nay, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa:

+ Tuyên bố hành vi cưỡng chế, tháo dỡ các công trình của Chủ tịch

UBND xã P tại các thửa đất 30, 526 tờ bản đồ số 27 đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 3, xã P do Công ty A xây dựng là trái pháp luật.

+ Buộc Chủ tịch UBND xã P huyện N khôi phục lại tình trạng ban đầu các công trình như trước khi tháo dỡ cho Công ty A. Trường hợp không khôi phục được thì phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Công ty A là 1.995.000.000 đồng.

- *Người bị kiện trình bày:* Ngày 19/01/2016, ông Nguyễn Minh Đ bà Trần Thị Tỷ P được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận các thửa đất 30 (diện tích 10.994m²), 525 (diện tích 1.052m²), 526 (diện tích 720m²), tất cả đều là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Ngày 01/10/2016, ông Đ ký hợp đồng cho Công ty G thuê 02 thửa 30, 526 để làm kho xưởng chứa hàng, bãi đỗ xe, văn phòng cho thuê lại. Sau khi thuê, Công ty G tiến hành xây dựng công trình.

Ngày 25/6/2019, UBND xã P phát hiện san lấp mặt bằng và xây dựng trái phép một số công trình làm kho bãi, giữ xe - sửa chữa xe tại các thửa đất 30, 525, 526 với tổng diện tích 14.000m² thuộc tờ bản đồ số 27 xã P. Căn cứ vào Công văn số 11483/STNMT - TTr ngày 06/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn xác định chủ thể vi phạm, thì người vi phạm sử dụng đất không phải là Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ G mà là ông Nguyễn Minh Đ, vì đất nông nghiệp nhưng ông Đ ký hợp đồng cho thuê để xây dựng công trình là trái pháp luật, nên UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đ. Ngày 26/6/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 202/QĐ - XPHC xử phạt ông Nguyễn Minh Đ về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật với số tiền 3.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng đất như ban đầu. Ngày 02/7/2019, ông Đ nộp phạt 3.500.000 đồng, tuy nhiên chưa chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Khoảng đầu tháng 12/2020, UBND xã P phát hiện một số công trình xây dựng mới (trong đó có hạn mục xây dựng dưới hành lang đường dây điện 500KV). Thực hiện theo tinh thần của Chỉ thị số 23 - CT/TU ngày 25/7/2019 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác lãnh đạo, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/12/2020, Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép nêu trên, nhằm chấn chỉnh lập lại trật tự sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình không giấy phép trên địa bàn xã P. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của Công ty, Chủ tịch UBND xã P không đồng ý với các lý do sau:

+ Các công trình trên được xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép và xây dựng dưới đường dây điện 500KV là thuộc trường hợp cấm.

+ Công ty A không chứng minh được tài sản tháo dỡ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Đồng thời, Công ty A cũng không đăng ký và thực tế cũng không hoạt động tại địa chỉ nêu trên.

Hành vi sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình trái phép là vi phạm vào điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ - CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Luật Đất đai 2013 thì Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm ngăn chặn, tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép nêu trên. Nên đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

- Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị Tỷ P trình bày: Ông, bà là chủ sử dụng 02 thửa đất 30, 526 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện N thành phố Hồ Chí Minh được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận ngày 19/01/2016.

Ngày 01/10/2016, ông Đ ký hợp đồng cho Công ty G thuê để kinh doanh dịch vụ mặt bằng kho bãi, văn phòng cho thuê. Trong quá trình thuê, Công ty G có cho ai thuê lại hay không thì ông, bà không biết. Nay, Công ty A khởi kiện Chủ tịch UBND xã P, ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

2/ Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ G trình bày: Ngày 01/7/2019, Công ty G ký hợp đồng cho Công ty A thuê lại 2.000m² tại các thửa đất 30, 526 có nguồn gốc do Công ty đã thuê của ông Nguyễn Minh Đ năm 2016, thời hạn thuê 3 năm (từ ngày 01/8/2019 đến hết ngày 30/6/2022), mục đích thuê để Công ty A xây dựng kinh doanh kho bãi, văn phòng, cho thuê lại. Thuê xong, Công ty A tiến hành xây dựng các công trình trên đất, năm 2020 UBND xã P cưỡng chế tháo dỡ. Nay, Công ty A khởi kiện Chủ tịch UBND xã P, là việc giữa Công ty A với Chủ tịch UBND xã P. Các công trình này không phải của Công ty G, nên Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

* Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 208 Luật Đất đai 2013; Điều 51 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012; điểm b khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Nghị Quyết 326/2016/UBTV.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất A về:

+ Tuyên bố hành vi cưỡng chế, tháo dỡ công trình xây dựng tại thửa đất số 30, 526 tờ bản đồ số 27 đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 3, xã P của Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất A ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật.

+ Yêu cầu Chủ tịch UBND xã P, huyện N khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Trường hợp không khôi phục được, thì yêu cầu Chủ tịch UBND xã P phải bồi thường thiệt hại 1.995.000.000đ (một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho Công ty.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị, thi hành án.

* Ngày 26/9/2023, Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án, cho rằng án sơ thẩm xét xử không khách quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty A thay đổi một phần nội dung kháng cáo, cụ thể yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã P về cưỡng chế tháo dỡ là trái pháp luật, về dân sự thay đổi chỉ yêu cầu bồi thường 335.300.000 đồng, mà không yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.995.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật Tố tụng Hành chính 2015; đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ.

+ Về nội dung: Năm 2019, Công ty A thuê lại đất từ Công ty G mà trước đó đã thuê của ông Đ. Sau khi thuê, Công ty A tiến hành san lấp và xây dựng một số công trình để làm nơi giao dịch, kho bãi, cho thuê lại mặt bằng. Việc Công ty A thuê đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, nhưng xây dựng công trình là sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp là vi phạm khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 12 Luật Đất đai 2013; Điều 51 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 12 Luật Xây dựng 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020. Với hành vi tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xây dựng trái phép nêu trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Luật Đất đai 2013: *“Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, áp dụng và xử lý kịp thời việc xây dựng các công*

trình trên đất không đúng mục đích và buộc người vi phạm khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm”. Do đó, việc Chủ tịch UBND xã P thực hiện hành vi ngăn chặn tháo dỡ công trình là đúng thẩm quyền và xử lý tiến hành tháo dỡ là đúng hành vi sai phạm của Công ty A. Tuy nhiên, về trình tự thủ tục tiến hành tháo dỡ những công trình trái phép nêu trên không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định 166/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là sai sót. Tuy có thiếu sót về thủ tục, nhưng công trình xây dựng của Công ty A không có giấy phép, sử dụng đất sai mục đích, xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình năng lượng (điện 500KV) nên thuộc trường hợp cấm xây dựng và buộc phải tháo dỡ. Việc thiếu sót thủ tục không làm thay đổi kết quả xử lý hành vi vi phạm của Công ty A, nên Chủ tịch UBND xã P cần rút kinh nghiệm. Do đó, yêu cầu khởi kiện tuyên hành vi cưỡng chế tháo dỡ của Chủ tịch UBND xã P trái pháp luật là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Riêng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, tại phiên tòa Công ty A thay đổi một phần nội dung kháng cáo, chỉ còn yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 335.300.000 đồng, vì yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính không được chấp nhận, nên không có căn cứ để chấp nhận bồi thường đối với số tiền yêu cầu 335.300.000 đồng của Công ty A. Công ty A phải chịu án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm về dân sự và hành chính theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thời hạn kháng cáo: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định pháp luật Tố Tụng hành chính. Đơn kháng cáo của Công ty A thực hiện đúng theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính 2015 nên được chấp nhận.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà Phượng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà Phượng là phù hợp luật định.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi một phần nội dung kháng cáo, cụ thể phần dân sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.995.000.000đ (một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng), mà chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 335.300.000đ (ba trăm, ba mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng). Xét nội dung kháng cáo của Công ty A thì thấy:

[2.1]. Khởi kiện về hành vi cưỡng chế tháo dỡ: Nguồn gốc các thửa đất số 30, 256 tờ bản đồ số 7 xã P, diện tích 11.714m² là của ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị Tỷ P được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/01/2016, loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Tháng 10/2016, ông Đ ký hợp đồng cho Công ty G thuê với thời hạn 5 năm để kinh doanh kho bãi, nhà xưởng và cho thuê văn phòng. Sau khi thuê, Công ty G tiến hành xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi trên các thửa đất nêu trên, căn cứ Công văn số 11483/STNMT – TTr ngày 06/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn xác định đối tượng vi phạm trong lĩnh vực đất đai: *“Trường hợp hợp đồng thuê đất giữa chủ sử dụng đất với tổ chức, cá nhân thể hiện nội dung thuê đất làm bến bãi, kho bãi và hiện trạng thể hiện tổ chức, cá nhân thuê đất đã sử dụng đất làm bến bãi, kho bãi thì đối tượng có hành vi vi phạm là chủ sử dụng đất đã cho thuê đất nông nghiệp; trường hợp hợp đồng thuê đất giữa chủ sử dụng đất với tổ chức, cá nhân không thể hiện nội dung thuê đất làm bến bãi, kho bãi và hiện trạng thể hiện tổ chức, cá nhân thuê đất đã tự ý sử dụng đất làm bến bãi, kho bãi thì đối tượng có hành vi vi phạm là tổ chức, cá nhân thuê đất nông nghiệp”*. Ngày 25/6/2019, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh Đ. Ngày 26/6/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 202/QĐ - XPHC xử phạt ông Nguyễn Minh Đ về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật với số tiền 3.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại đất như tình trạng ban đầu. Ngày 02/7/2019, ông Đ nộp phạt 3.500.000 đồng, tuy nhiên chưa chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 01/7/2019, Công ty G ký hợp đồng cho Công ty A thuê lại 2.000m² (là một phần diện tích của các thửa đất 30, 526) với thời hạn thuê 3 năm (từ ngày 01/8/2019 đến hết ngày 30/6/2022), và Công ty A tiến hành xây dựng các công trình trên đất, đầu tháng 12/2020 UBND xã P phát hiện một số công trình xây dựng mới trên thửa đất số 30, 256 (có hạn mục xây dựng dưới đường dây điện 500KV). Việc Công ty A xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, xây dựng công trình không phép là vi phạm Điều 51 Luật Điện lực 2004 sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 12 và điểm c khoản 1 Điều 118 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 12 Luật Đất đai 2013.

Với hành vi vi phạm như trên, căn cứ Điều 58, Điều 67, Điều 73, khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ – CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, lẽ ra UBND xã phải lập Biên bản vi phạm và tiến hành xác minh (cần thiết), nếu thuộc thẩm quyền thì Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người vi phạm không chấp hành Quyết định xử phạt thì thực hiện thủ tục cưỡng chế theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 33, Điều 34, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 166/NĐ–CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt và Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012. Nhưng ngày 09/12/2020, Chủ tịch UBND xã P chỉ đạo tiến hành cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép nêu trên là sai quy định pháp luật về trình tự thủ tục, kết quả một số hạng mục nhà xưởng bị cưỡng chế tháo dỡ hoàn toàn (theo biên bản do UBND xã lập ngày 09/12/2020) hậu quả hư hỏng khó khắc phục, vì nếu thực hiện đúng trình tự thủ tục cưỡng chế, thì chủ đầu tư sẽ có cơ hội tự tháo dỡ, tận dụng vật tư (không gây hư hại hoàn toàn), không dẫn đến thiệt hại tài sản cho chủ sở hữu hoặc chỉ thiệt hại một phần.

Tại đơn khởi kiện công ty ghi người bị kiện là Chủ tịch UBND xã P, nhưng có nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại, theo Điều 2 Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng Hành chính và tương ứng khoản 7 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017 (khoản 4 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2009), lẽ ra cấp sơ thẩm yêu cầu đương sự sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện xác định đầy đủ người bị kiện và Tòa đưa UBND xã P là Cơ quan hành chính trực tiếp quản lý người thi hành công vụ vào tham gia tố tụng trong vụ án, nên việc không đưa là thiếu sót, vi phạm tố tụng.

[2.2]. Về bồi thường thiệt hại về tài sản: Căn cứ vào khoản 4 và 5 Điều 12, khoản 2 Điều 13 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020, do hành vi cưỡng chế thực hiện không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở cho cấp phúc thẩm xem xét giải quyết đối với yêu cầu bồi thường.

Nhưng như nhận định tại [2.1] và [2.2], án sơ thẩm không đưa Cơ quan hành chính trực tiếp quản lý người thi hành công vụ bị kiện yêu cầu phải bồi thường vào tham gia tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nội dung này, vì khắc phục sẽ vi phạm nguyên tắc 02 cấp xét xử. Mặt khác, người khởi kiện yêu cầu bồi thường nhưng chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh làm cơ sở cho việc xem xét giải quyết. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng

thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính 2015, Hội đồng xét xử cần thiết phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[3]. Về án phí: Do cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại, nên Công ty A không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại, khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241, khoản 3 Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng trang trí nội thất A không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do Công ty nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2023/0007375 ngày 27/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng trang trí nội thất A.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại, khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- TAND huyện N;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

